

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/01/2023

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tuyên và bà Tưởng Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Chung Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa tham gia phiên tòa: Ma Thị Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Khe Đ, xã Tứ Q, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Ma Văn D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Làng Đ, xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt lần 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Vi Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2019, tại UBND xã Tứ Q, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh D ngoại tình, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình diễn ra rất nặng nề, hai bên đã cố gắng chịu đựng để giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhưng vợ chồng chị không hòa thuận được, không thể tiếp tục chung sống được, nên chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 5/2020 đến nay, mỗi người ở một nơi không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Văn D.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Con riêng: Chị có 03 người con riêng trước khi kết hôn với anh Ma Văn D là Vi Xuân K, sinh ngày 12/4/2005, Vi Quốc M, sinh ngày 13/9/2008 và Vi Thị Thiên T, sinh ngày 07/11/2013, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án tiến hành xác minh đối với trường thôn Làng Đ, xã Hòa P và bà Hà Thị S (mẹ đẻ anh Ma Văn D) được biết: Anh Ma Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Làng Đ, xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Chị Vi Thị T và anh Ma Văn D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Tứ Q, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang năm 2019. Sau khi kết hôn chị T và anh D dọn ra ở riêng và đi làm ăn xa, ít khi về địa phương. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Từ năm 2020 cho đến nay, chị T và anh D sống ly thân, anh D đi làm ăn xa ở tỉnh Bắc Ninh, thỉnh thoảng có về nhà thăm gia đình. Chị T và anh D không có con chung. Chị T có 03 người con riêng trước khi kết hôn với anh Ma Văn D là Vi Xuân K, sinh năm 2005, Vi Quốc M, sinh năm 2008 và Vi Thị Thiên T, sinh năm 2013. Tài sản chung, vay nợ chung: Không biết.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Ma Văn D đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vi Thị T vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vi Thị T, xử cho chị Vi Thị T được ly hôn với anh Ma Văn D; về con chung, tài sản và vay nợ chung: Không có, không đề nghị xem xét giải quyết; về con riêng: Chị Vi Thị T xác định có 03 người con riêng trước khi kết hôn với anh Ma Văn D tên là Vi Xuân K, sinh ngày 12/4/2005, Vi Quốc M, sinh ngày 13/9/2008 và Vi Thị Thiên T, sinh ngày 07/11/2013, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét; về án phí và quyền kháng cáo: Chị Vi Thị T chịu án phí ly hôn sơ

thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vi Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Văn D có hộ khẩu thường trú tại Thôn Làng Đ, xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án xác minh thể hiện anh Ma Văn D đi làm ăn xa nhà, nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh D đang ở đâu, làm gì. Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh D, anh D không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vi Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Ma Văn D đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

- Về hôn nhân: Chị Vi Thị T và chị Ma Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tứ Q, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 06/05/2019, do vậy hôn nhân của chị T và anh D là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu chị T và anh D chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, chị T trình bày anh D ngoại tình, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình diễn ra rất nặng nề. Chị T và anh D đã cố gắng chịu đựng để giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhưng không hòa thuận được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được, nên chị T và anh D đã sống ly thân từ tháng 5/2020 đến nay, mỗi người ở một nơi không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã rất trầm trọng, mâu thuẫn đã diễn ra trong một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về con riêng: Chị T xác định có 03 người con riêng trước khi kết hôn với anh Ma Văn D tên là Vi Xuân K, sinh ngày 12/4/2005, Vi Quốc M, sinh ngày 13/9/2008 và Vi Thị Thiên T, sinh ngày 07/11/2013, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do

vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Vi Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Ma Văn D không phải nộp án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vi Thị T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị T được ly hôn với anh Ma Văn D.

2. Về án phí: Chị Vi Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005405 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- THADS huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Tứ Quận, H. Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tuyên Trương Thị Thu

Hoàng Mạnh Tuấn

